

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 217/2021/DS-ST

Ngày: 15-12-2021.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Chính**.

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Hiền – kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-DS ngày 29/11/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh Lê Minh T (tự là H), sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh T.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Trí có: Ông Nguyễn Văn T
- Luật sư – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T – Đoàn luật sư tỉnh T.

*Bị đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Anh T có mặt, luật sư T có mặt, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn anh Lê Minh T (tự là H) trình bày:

Giữa anh Lê Minh T (tự là H) và chị Lê Thị Thanh T có bà con chú bác ruột. Do chị T cần tiền để làm ăn nên chị T có hỏi mượn anh Trí các khoản tiền cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 03/10/2019 (âm lịch) chị T mượn anh T số tiền 20.000.000

đồng.

Lần 02: Ngày 22/01/2020 (dương lịch) chị T mượn anh T số tiền 85.000.000 đồng.

Lần 03: Ngày 16/6/2020 (dương lịch) chị T mượn anh T số tiền 150.000.000 đồng.

Cả 03 lần mượn này đều có biên nhận nợ, cả 03 biên nhận nợ này do chị T ký tên, ghi họ tên của bên mượn là chị T và bên cho mượn là anh T. Tổng cộng cả 03 lần mượn tiền với tổng số tiền chị T mượn của anh T là 255.000.000 đồng, thỏa thuận là khi nào anh T cần tiền thì chị T phải trả lại tiền cho anh T. Nay anh T cần tiền để làm ăn nên anh T có yêu cầu chị T trả lại cho anh T số tiền là 255.000.000 đồng nhưng chị T cứ hẹn lần lượt không chịu trả.

Nay anh T yêu cầu:

- Buộc chị Lê Thị Thanh T trả cho anh T số tiền là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

*Bị đơn chị Lê Thị Thanh T vắng mặt, nhưng tại bản tự khai gửi qua đường bưu điện đề ngày 04/01/2020, nhưng ngoài bì thư gửi theo dịch vụ EMS - dịch vụ chuyển phát nhanh đóng dấu ngày 04/01/2021 chị T trình bày:

Tôi tên Lê Thị Thanh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh T. Là bị đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nay tôi viết tự khai với nội dung như sau:

Tôi với ông Lê Minh T là chị em chú bác. Tôi không có nợ gì của ông Lê Minh T. Tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Kính mong Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận cho tôi.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị T trả số tiền là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi, ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có luật sư Nguyễn Văn T trình bày: ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của anh T, chị T có bản tự khai gửi qua đường bưu điện cho rằng chị T không có nợ tiền của anh T là không đúng sự thật, bởi căn cứ vào kết luận giám định số: 655/GĐ-KTHS ngày 16/6/2021 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh T, kết luận chữ ký trên 03 biên nhận mà anh T (tự là H) cung cấp đều thể hiện chữ ký trong cả 03 biên nhận nợ này đều là chữ ký của chị T. Như vậy việc chị T có mượn tiền của anh T là có thật, từ lúc chị T mượn tiền của anh T cho đến nay, chị T không có trả cho anh T khoản tiền nào, mặc dù anh T đã đòi nhiều lần nhưng chị T cứ hẹn lần lượt không trả. Do đó, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 278, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền là 255.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi, ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến phát biểu:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau: thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, cũng như tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành hòa giải cho các đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 85 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự nên tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T. Buộc chị Lê Thị Thanh T trả cho anh Lê Minh T số tiền 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Thanh T vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T không đến nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Thủy.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa anh Lê Minh T và chị Lê Thị Thanh T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: anh T yêu cầu chị Lê Thị Thanh T trả số tiền là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Xét yêu cầu của anh T là có cơ sở bởi lẽ: Giữa anh T và chị T có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là: Các Biên nhận lập ngày 03/10/2019 (âm lịch), ngày 22/01/2020 (dương lịch), ngày 16/6/2020 (dương lịch) với tổng số tiền là 255.000.000 đồng. Chị T có bản tự khai gửi qua đường bưu điện với nội dung chị T không có vay nợ gì của anh T. Nhưng tại Kết luận giám định số: 655/GĐ-KTHS ngày 16/6/2021 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh T kết luận: “Chữ ký mang tên Lê Thị Thanh T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký mang tên Lê Thị Thanh T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận chữ ký tên trong các biên nhận ngày 03/10/2019 (âm lịch), ngày 22/01/2020 (dương lịch), ngày 16/6/2020 (dương lịch) do anh T cung cấp đều là do chị T ký tên. Như vậy, việc chị T có mượn tiền như anh T trình bày là đúng, anh T cho chị T mượn tiền không kỳ hạn, khi nào anh T cần

tiền thì chị T phải trả tiền lại cho anh T, việc chị T nợ anh T số tiền trên không trả, kéo dài cho đến nay đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc chị Lê Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

[4] Xét yêu cầu trả lãi: Anh T không yêu cầu chị T trả số tiền lãi, đây là sự tự nguyện của anh T, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh T.

- Buộc chị Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh Lê Minh T số tiền là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh T cho đến khi thi hành án xong, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 12.750.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Hoàn lại cho anh Lê Minh T số tiền là 6.375.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017047 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng chị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

****Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh

